

Bản án số: 10/2020/HSST
Ngày 12/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Long.
- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Kim Tám – Giáo viên TR THPT Lê Lợi, huyện X.
+ Ông Huỳnh Văn Xuân – Cán bộ hưu trí huyện X.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Phú Y.
- Đại diện VKSND huyện X tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 06/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Văn Y; Tên gọi khác: Bét; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 12/02/1996 tại huyện X; Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn H, huyện X, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 6/12; Cha: Bùi Văn H, SN: 1968 (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị P, SN: 1965; Vợ: Nguyễn Thị Mỹ PH, SN: 1999; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2016; Tiền án: 02.

+ Ngày 15/5/2014, bị TAND huyện X xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” (chấp hành xong ngày 08/9/2015).

+ Ngày 29/7/2016, bị TAND huyện X xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (chấp hành xong ngày 13/3/2018).

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 10/02/2012, bị TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (được đặc xá ngày 31/8/2013).

+ Ngày 22/6/2020 bị TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện X từ ngày 28/02/2020 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Trung T. Giới tính: Nam; Sinh ngày: 09/8/1995 tại huyện X; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn H, huyện X, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 7/12; Cha: Nguyễn Văn B, SN: 1969 (đã chết); Mẹ: Phan Thị Thu TH, SN: 1977; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 10/10/2019, bị Công an huyện X xử phạt vi phạm hành chính 500.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành ngày 18/10/2019).

+ Ngày 14/02/2020, bị TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân P. Có mặt.

*** Người bị hại:**

- Ông Tú M – Sinh năm: 1998; Trú tại: Kp E, thị trấn H, huyện X, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Võ H S – Sinh năm: 1978; Trú tại: Kp C, thị trấn H, huyện X, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Nguyễn Thị H N – Sinh năm: 1967; Trú tại: Kp E, thị trấn H, huyện X, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Võ Ngọc TR – Sinh năm: 2003; Trú tại: Kp C, thị trấn H, huyện X, tỉnh Phú Yên (Người đại diện hợp pháp của cháu TR: Ông Võ H S – Sinh năm: 1978; Trú tại: Kp C, thị trấn H, huyện X, tỉnh Phú Yên). Có mặt.

- Phan Thị Thu TH – Sinh năm: 1977; Trú tại: Kp A, thị trấn H, huyện X, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Nguyễn Thị P – Sinh năm: 1965; Trú tại: Kp C, thị trấn H, huyện X, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Nguyễn Thị Mỹ PH – Sinh năm: 1999; Trú tại: Thôn 2, xã Đa Lộc, huyện X, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với nhau từ trước nên khoảng 18 giờ 00 phút ngày 24/6/2019, Bùi Văn Y gọi điện thoại rủ Nguyễn Trung T đến nhà của Y chơi. Tại đây, Y nói với T “ở H để lấy trộm xe mô tô” và rủ T cùng đi trộm xe mô tô để bán lấy tiền tiêu sài, T đồng ý. Sau khi bàn bạc, thống nhất với nhau xong đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81B1-279.45 chở Y đến quán cà phê Mỹ Hiệp thuộc khu phố Long An, thị trấn H, huyện X để tìm xe lấy trộm. Tại đây, Y, T ngồi uống cà phê và quan sát thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại

Sirius, biển kiểm soát 78K1-200.25, màu xám đen của bà Nguyễn Thị H N đang dựng trước cổng quán cà phê MH. Thấy vậy, Y nói với T *“mày vào tính tiền cà phê, để tao ra bẻ khóa xe mô tô rồi đi luôn”*, T đồng ý. Lúc này, T vào quầy tính tiền còn Y đi đến và dùng một đoạn lục giác bằng kim loại, màu trắng, dài khoảng 10cm do Y tự chế phá khóa xe mô tô biển kiểm soát 78K1-200.25 rồi nổ máy điều khiển chạy vào hướng thành phố Tuy Hòa. Riêng T sau khi tính tiền xong, đứng canh giới, khi thấy không bị ai phát hiện, T liền điều khiển xe mô tô đuổi theo Y vào thành phố Tuy Hòa. Khi đi đến khu vực ngã tư, cách cổng chính Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên khoảng 50m, Y bảo T đứng đợi để Y đem xe đi bán. Y điều khiển xe mô tô 78K1-200.25 đến khu vực bên hông cổng chính Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên bán cho một người đàn ông tên Hoàn, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể mà Y quen trước đó với giá 2.500.000 đồng rồi Y đón taxi quay lại chỗ T đang đợi và nói với T là đã bán được xe mô tô nhưng không nói rõ số tiền bán xe. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở Y đến nhà nghỉ King tại số 37 Võ Văn Tần, phường 9, thành phố Tuy Hòa để thuê phòng ngủ. Tại đây, Y đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng rồi cả hai mua bia về uống và ngủ đến sáng hôm sau thì đi về lại huyện X.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra còn xác định: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 02/7/2019, Bùi Văn Y gọi điện thoại rủ Nguyễn Trung T đến nhà Y chơi. Tại đây, cả hai bàn bạc, thống nhất với nhau đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu sài, Y có nhiệm vụ bẻ khóa lấy trộm xe mô tô còn T là người canh giới. Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81B - 279.45 chở Y đi ra hướng bờ kè H để tìm xe mô tô trộm cắp. Khi đi qua khu vực cầu chui thuộc khu phố Long Thăng, thị trấn H, huyện X, Y và T thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu vàng đen, biển kiểm soát 78K1 - 029.11 của ông Võ H S đang dựng dưới bậc tam cấp đi lên đường sắt, thấy vậy Y nói với T *“chiếc xe này được nè”* nên T dừng xe lại. Lúc này, Y đi bộ đến vị trí xe mô tô 78K1 - 029.11, dùng đoạn bẻ khóa lấy trộm xe mô tô rồi nổ máy chạy vào thành phố Tuy Hòa, còn T đứng lại quan sát thấy không bị ai phát hiện nên điều khiển xe mô tô chạy theo Y. Khi vào đến thành phố Tuy Hòa, Y mang xe mô tô vừa lấy trộm được bán cho một người đàn ông tên Hoàn, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể với giá 2.500.000 đồng và chia cho T số tiền 1.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 17 ngày 15/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện X kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 78K1-200.25, màu xám đen tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Tại Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 10/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện X kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 78K1-029.11, màu vàng đen tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 8.500.000 đồng (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKS-ĐX ngày 25/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Bùi Văn Y về tội “Trộm cắp tài sản”,

theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; bị cáo Nguyễn Trung T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã nêu. Kết luận bị cáo Bùi Văn Y và bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 BLHS đối với bị cáo Bùi Văn Y; Xử phạt: Bùi Văn Y từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại bản án số 14/2020/HSST ngày 22/6/2020 của TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/02/2020 (ngày bắt tạm giam của bản án số 14/2020/HSST ngày 22/6/2020 của TAND huyện Tuy An).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Trung T; Xử phạt: Nguyễn Trung T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù tại bản án số 05/2020/HSST ngày 14/02/2020 của TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30/10/2019 (ngày bắt tạm giữ, tạm giam của bản án số 05/2020/HSST ngày 14/02/2020 của TAND huyện Tuy An).

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 BLDS, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và những người bị hại, buộc bị cáo Bùi Văn Y phải bồi thường cho người bị hại Ông Tú M 12.000.000đ, bồi thường cho người bị hại Võ H S 8.500.000đ. Bị cáo Nguyễn Trung T phải bồi thường cho người bị hại Ông Tú M 12.000.000đ, bồi thường cho người bị hại Võ H S 8.500.000đ.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Bùi Văn Y và Nguyễn Trung T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, các bị cáo xin HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Về phần dân sự các bị cáo đồng ý bồi thường cho những người bị hại giá trị 02 chiếc xe mô tô mà các bị cáo đã chiếm đoạt theo yêu cầu của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Người bị hại: Ông Tú M có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa xét xử theo quy định pháp luật. Người bị hại Võ H S yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt là 17.000.000đ, về phần hình phạt đề nghị Tòa xét xử theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H N (mẹ bị hại M) yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 24.000.000đ vì chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78K1-200.25 khi mua với số tiền là 24 triệu đồng, xe còn rất mới, sử dụng chưa

được một tháng đã bị lấy cắp và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Châu Võ Ngọc TR thống nhất như ý kiến của cha là ông Võ H S và không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại về thời gian, địa điểm, cách thức, công cụ dùng vào việc phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 24/6/2019 và 02/7/2019, tại quán cà phê Mỹ Hiệp thuộc khu phố A, thị trấn H, huyện X và khu vực bờ kè H thuộc khu phố Long Thăng, thị trấn H, huyện X, Bùi Văn Y và Nguyễn Trung T đã có hành vi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 78K1-200.25, màu xám đen trị giá 15.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H N và xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 78K1-029.11, màu vàng đen trị giá 8.500.000 đồng của ông Võ H S để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Tổng giá trị tài sản mà Y và T chiếm đoạt là 23.500.000 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Vì vậy, hành vi của các bị cáo Bùi Văn Y và Nguyễn Trung T đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Điều 173 BLHS. Bị cáo Bùi Văn Y đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc TR hợp tái phạm nguy hiểm, nên Cáo trạng số 07/CT-VKS-ĐX ngày 25/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố bị cáo Bùi Văn Y về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; bị cáo Nguyễn Trung T về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, đối với các bị cáo cần phải xét xử với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Xét vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo nhận thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Bùi Văn Y là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi lấy được tài sản Y là người T tiếp mang đi tiêu thụ, sau đó chia tiền cho T. Bị cáo Bùi Văn Y có 02 tiền án về tội “*cố ý gây thương tích*”, có nhân thân xấu, lẽ ra bị cáo phải lấy đó là bài học mà tu dưỡng, sửa chữa bản thân

làm người có ích cho xã hội nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ khả năng cải tạo của bị cáo rất kém. Trong thời gian ngắn, bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản là 02 xe mô tô, giá trị mỗi lần trộm cắp đều trên 2.000.000đ, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Tính nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là cao hơn so với bị cáo T trong cùng vụ án, nên đối với bị cáo cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài hơn bị cáo T mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, nên xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Tại bản án số 14/2020/HSST ngày 22/6/2020 của TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên đã có hiệu lực pháp luật, Bùi Văn Y bị xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", nên áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt chung của nhiều bản án đối với bị cáo.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Trung T là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo Y thực hiện việc trộm tài sản và được chia tiền sau mỗi lần trộm cắp. Bị cáo có nhân thân xấu, lẽ ra bị cáo phải lấy đó là bài học mà tu dưỡng, sửa chữa bản thân, làm người có ích cho xã hội nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ khả năng cải tạo của bị cáo kém. Trong thời gian ngắn, bị cáo đã cùng với bị cáo Y thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản là 02 xe mô tô, giá trị mỗi lần trộm cắp đều trên 2.000.000đ, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, nên đối với bị cáo cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm như lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, nên xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Tại bản án số 05/2020/HSST ngày 14/02/2020 của TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên đã có hiệu lực pháp luật, Nguyễn Trung T bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" và đang chấp hành án tại Trại giam Xuân P, nên áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt chung của nhiều bản án đối với bị cáo.

[4] Đối với hành vi của người đàn ông tên Hoàn là người tiêu thụ hai xe mô tô do Y và T trộm cắp, có dấu hiệu của tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*", theo quy định tại Điều 323 BLHS. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của người này. Cơ quan CSĐT Công an huyện X sẽ tiếp tục điều tra, xác M và đề nghị xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa các bị cáo và những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận được mức bồi thường thiệt hại. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 584, 585, 586, 587, 589 BLDS nên ghi nhận, buộc bị cáo Bùi Văn Y phải bồi thường cho người bị hại Ông Tú M 12.000.000đ, bồi thường cho người bị hại Võ H

S 8.500.000đ. Bị cáo Nguyễn Trung T phải bồi thường cho người bị hại Ông Tú M 12.000.000đ, bồi thường cho người bị hại Võ H S 8.500.000đ.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

TuY bố: Các bị cáo Bùi Văn Y, Nguyễn Trung T phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 BLHS.

Xử phạt: Bùi Văn Y **03 (ba)** năm tù, tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại bản án số 14/2020/HSST ngày 22/6/2020 của TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên về tội "*Trộm cắp tài sản*". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **05 (năm)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/02/2020 (ngày bắt tạm giam của bản án số 14/2020/HSST ngày 22/6/2020 của TAND huyện Tuy An).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Trung T 02 (*hai*) năm tù, tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù tại bản án số 05/2020/HSST ngày 14/02/2020 của TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên về tội "*Trộm cắp tài sản*". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **03 (ba)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30/10/2019 (ngày bắt tạm giữ, tạm giam của bản án số 05/2020/HSST ngày 14/02/2020 của TAND huyện Tuy An).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 BLDS, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Buộc bị cáo Bùi Văn Y phải bồi thường cho người bị hại Ông Tú M 12.000.000đ, bồi thường cho người bị hại Võ H S 8.500.000đ. Bị cáo Nguyễn Trung T phải bồi thường cho người bị hại Ông Tú M 12.000.000đ, bồi thường cho người bị hại Võ H S 8.500.000đ.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Văn Y phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.025.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.025.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại Ông Tú M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện X;
- Công an huyện X;
- UBND TT H;
- CC THADS huyện X;
- Những người tham gia tố tụng;

Trần Vĩnh Long